



líng hún
灵魂

Noun · soul; spirit

Example Sentences

rén yǒu líng hún
人有灵魂。

People have souls.

yīn yuè shì chù dòng rén lèi líng hún de yì shù
音乐是触动人类灵魂的艺术。

Music is an art that touches the human soul.

nǐ rèn wéi dòng wù de líng hún yě huì qù wǎng lìng yí gè shì jiè ma
你认为动物的灵魂也会去往另一个世界吗？

Do you think the souls of animals also go to another world?

Trace each character, then write the word on your own.

灵	灵	灵	灵	灵	灵	灵	灵	灵	灵
魂	魂	魂	魂	魂	魂	魂	魂	魂	魂
魂	魂	魂	魂	魂					